

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HOÀ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 28-9-2024

*V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thiết Hùng

Bà Chu Thị Ngọc Lan

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án

Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Phương M - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2024/TLST-HNGĐ , ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Yến T, sinh năm 1992

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990

Các đương sự đều có địa chỉ: Khu A Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú thọ

(Chị T có mặt, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Mai Thị Yến T trình bày:

Tôi kết hôn với anh Nguyễn Văn N ngày 12/02/2020, đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng cùng lao động tự do ở địa phương và ở cùng gia đình anh N tại khu A Thị trấn H, huyện H. Vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N mãi chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ con, nói

dối vợ đi làm nhưng bỏ bê công việc để đi chơi. Tôi và gia đình đã khuyên nhủ anh nhiều lần nhưng anh N không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đến tháng 10/2021 tôi đã đưa cháu nhỏ về ở với gia đình bố mẹ đẻ, từ đó chúng tôi sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu TAND huyện Hạ Hòa giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có một con chung: Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 18/9/2020, hiện cháu đang ở với tôi. Ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tôi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Văn N nhưng không tổng đạt được vì anh N không có mặt ở nhà. Ông Nguyễn Anh T1 là bố đẻ nhận thay anh N và cam kết sẽ chuyển các văn bản và thông báo lại cho anh N được biết.

Tại văn bản ngày 11/9/2024 gửi cho Tòa án, anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và chị T kết hôn ngày 12/02/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn H, huyện H hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng ở cùng gia đình anh và cùng lao động tự do. Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh làm tự do, công việc không ổn định nên thu nhập kém, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Đến cuối năm 2021 chị T đã đưa cháu nhỏ về quê ở với bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

Anh N xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 18/9/2020, hiện cháu ở với chị T. Ly hôn, anh đồng ý chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu, anh sẽ cấp dưỡng nếu có yêu cầu.

Anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt vì công việc bận nên không thể có mặt tại Tòa án để làm việc.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải

hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. HĐXX tiến hành tổ tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Yến T và anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao chị Mai Thị Yến T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu: Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 18/9/2020 kể từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu C thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Các bên đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra để giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T nhận nộp 150.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đại diện gia đình anh N theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N có văn bản gửi cho Tòa án, đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 – BLTTDS Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về nội dung :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Yến T và anh Nguyễn Văn N kết hôn ngày 12/02/2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh N thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra tranh cãi nhau. Đến khoảng cuối năm 2021 do mâu thuẫn trầm trọng chị T đã đưa cháu nhỏ về ở với bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án tiến hành làm việc với chính quyền địa phương, đại diện địa phương và đoàn thể cho biết chị T và anh N không cùng chung sống tại địa phương từ khoảng cuối năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào địa phương không được biết vì anh chị không có đơn đề nghị hòa giải. Đại diện gia đình, ông Nguyễn Anh T1 là bố đẻ anh N cho biết: anh N, chị T chung sống với

nhau được thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như chị T trình bày có phần đúng. Tuy nhiên đến khoảng cuối năm 2021 không biết anh chị mâu thuẫn gì chị T đã đưa cháu nhỏ về ở với bố mẹ để từ đó đến nay, chị T cũng không quay trở lại chung sống cùng anh N. Còn anh N sau đó cũng xin việc làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nay chị T xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn cho chị T. Tại văn bản gửi cho Tòa án, anh N cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chị T xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn. Xét thấy chị T và anh N thuận tình ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần công nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh N xác định có 01 con chung là cháu: Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 18/9/2020. Ly hôn, giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C kể từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp và cũng đúng với nguyện vọng của anh N đã trình bày. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị T, anh N xác định không có, không yêu cầu, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T nhận nộp 150.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, điều 55,57,58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Yến T và anh Nguyễn Văn N.

2- Về con chung: Giao chị Mai Thị Yến T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 18/9/2020 kể từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu C thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Chị T, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị T và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc anh N thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3- Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị T, anh N xác định không có, không yêu cầu, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

4-Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mai Thị Yến T nhận nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003029 ngày 01/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

Hoàn trả cho chị Mai Thị Y T số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh N có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND TT Hạ Hòa;
- CCTHADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS – VP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lạc